TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **77** /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 08/10/2018
V/v: "Không công nhận vợ chồng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Kim Dung và bà Phạm Thu Hà

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đinh Thị Hiệu - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H:
Bà Vũ Thị Cẩm Vân. Chức vụ: Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 10 năm 2018, tại Hội trường xét xử số 3 Tòa án nhân dân thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 374/2018/TLST – HNGĐ ngày 28 tháng 05 năm 2018 về việc *"Không công nhận vợ chồng"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 22/8/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2018/QĐHPT- TA ngày 19/9/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thanh V - sinh năm: 1968
ĐKHKTT : Tổ 8, khu 4, phường A, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.
Có mặt tại phiên tòa

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Ngọc T - Sinh năm: 1966
ĐKHKTT, chỗ ở: Tổ 8, khu 4, phường A, thành phố H, T. Quảng Ninh.
Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn Nguyễn Thị Thanh V trình bày:

- Về quan hệ tình cảm: Tôi và anh Hoàng Ngọc T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau, chung sống với nhau như vợ chồng tại Hồng Kông từ tháng 01 năm 1990. Tháng 03 năm 1993, tôi và anh T cùng con cái hồi hương về V. Từ khi về V đến nay, tôi và anh T không thực hiện việc đăng ký kết hôn với nhau theo quy định của pháp luật Việt Nam. Quá trình chung sống tôi và anh Hoàng Ngọc T đã cùng nhau sinh được hai người con và tạo lập nên tài sản chung. Đến năm 2011, quan hệ như vợ chồng của tôi và anh T phát sinh mâu thuẫn do anh T ham chơi cờ bạc. Vì cờ bạc, anh T vay nợ tiền của nhiều người, vay lãi cao không trả, từ việc đó, tôi và anh T bất đồng quan điểm với nhau, thường cãi vã xô sát với nhau. Tài sản chung do tôi và anh T làm ra đến nay cũng không còn gì. Từ năm 2012 đến nay, tôi và anh T đã sống

ly thân nhau, không ai quan tâm đến đời sống tình cảm của ai nữa. Trong thời gian ly thân nhau, tôi và anh T cũng không ai quan tâm đến việc hòa giải đi đăng ký kết hôn hợp pháp để tiếp tục về chung sống với nhau. Anh T biết việc tôi yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa tôi và anh T nhưng anh T cố tình không đến Tòa án để tham gia giải quyết. Nay tôi đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa tôi (Nguyễn Thị Thanh V) với anh Hoàng Ngọc T.

-Về con chung: Tôi và anh Hoàng Ngọc T sinh được 02 người con chung là Hoàng Thị Hoài A sinh ngày 06/12/1990 và Hoàng Anh T1 sinh ngày 03/01/1995. Hiện nay cả hai con chung đã trưởng thành, khỏe mạnh bình thường, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi dưỡng hai người con chung này.

-Về tài sản chung: Tôi và anh Hoàng Ngọc T không có tài sản chung, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về công nợ: Tôi và anh Hoàng Ngọc T không vay nợ chung với tổ chức hay cá nhân nào, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Tôi tự nguyện chịu toàn bộ án phí.

Bị đơn: Anh Hoàng Ngọc T trong quá trình chuẩn bị xét xử đã được nhận, biết đầy đủ Thông báo thụ lý vụ án, các Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp đối chứng chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Đã được triệu tập hợp lệ đến lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa, không có ý kiến gì gửi đến Tòa án về việc chị V đề nghị Tòa án Không công nhận vợ chồng giữa chị V và anh T.

Kết quả điều tra xác minh của Tòa án: Anh Hoàng Ngọc T hiện đang cư trú tại tổ 8, khu 4, phường A, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh cùng với mẹ đẻ là bà Bùi Thị L. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án, các Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp đối chứng chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đến gia đình anh Hoàng Ngọc T. Mẹ anh Hoàng Ngọc T đã nhận các văn bản tố tụng này, báo cho anh Hoàng Ngọc T, nhưng anh Hoàng Ngọc T vẫn không đến Tòa án để tham gia giải quyết việc không công nhận vợ chồng do chị Nguyễn Thị Thanh V khởi kiện. Tòa án đã tiến hành xác minh tại tổ dân khu phố và ở gia đình anh Hoàng Ngọc T, xác định việc anh T cư trú ổn định cùng mẹ là bà Bùi Thị L, đã được nhận biết về việc khởi kiện của chị V cũng như việc Tòa án gửi các Thông báo và Giấy triệu tập cho mình. Anh T ham chơi cờ bạc nên không thường xuyên có mặt ở nhà.

Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật đối với anh anh Hoàng Ngọc T. Anh Hoàng Ngọc T không có ý kiến, không gửi thông tin tài liệu gì liên quan đến việc chị V đề nghị Tòa án không công nhận vợ chồng cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân và nguyên đơn đầy đủ, đúng pháp luật từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 51, 195, 196, 68, 93, 94, 95, 96, 97, 203 BLTTDS. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định cảu

pháp luật tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã vi phạm Điều 70, 72 BLTTDS. Việc xét xử vắng mặt bị đơn là đúng pháp luật.

+ Về quan hệ tình cảm: Chị Nguyễn Thị Thanh V và anh Hoàng Ngọc T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 nhưng đến nay vẫn không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình Việt Nam. Nay chị V yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng giữa chị V và anh T, yêu cầu này của chị V là có căn cứ, đúng pháp luật nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

+ Về việc nuôi con chung: Quá trình chung sống như vợ chồng, chị V và anh T sinh được hai người con chung là Hoàng Thị Hoài A sinh ngày 06/12/1990 và Hoàng Anh T1 sinh ngày 03/01/1995. Theo chị V, cả hai con đã trưởng thành khỏe mạnh, tự làm việc để nuôi bản thân được, nên không đề nghị việc giải quyết.

+ Về tài sản chung và công nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết, bị đơn không có quan điểm, nên không đề nghị giải quyết.

+ Về án phí Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 BLTTDS.

- Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức: Đơn khởi kiện và tài liệu gửi kèm theo đơn khởi kiện vụ án Hôn nhân gia đình" về việc "Yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng" của chị Nguyễn Thị Thanh V với anh Hoàng Ngọc T có địa chỉ tại tổ 8, khu 4, phường A, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh phù hợp quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, được Tòa án thụ lý giải quyết.

Bị đơn Hoàng Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh V và anh Hoàng Ngọc T tự do tìm hiểu, tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 cho đến nay nhưng chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật Việt Nam. Như vậy việc kết hôn của chị V anh T đã không tuân thủ theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam nên không có giá trị về mặt pháp lý. Nay chị Nguyễn Thị Thanh V đề nghị Tòa án giải quyết Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị V và anh Hoàng Ngọc T. Anh Hoàng Ngọc T không có ý kiến gì về việc này. Căn cứ Điều 14, 15 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam, chấp nhận đơn yêu cầu không công nhận vợ chồng của chị Nguyễn Thị Thanh V với anh Hoàng Ngọc T.

- Về con chung: Quá trình chung sống như vợ chồng, chị Nguyễn Thị Thanh V và anh Hoàng Ngọc T sinh được 02 (hai) người con chung là Hoàng Thị Hoài A sinh ngày 06/12/1990 và Hoàng Anh T1 sinh ngày 03/01/1995. Theo chị V tự trình bày, cả

hai con đều khỏe mạnh, bình thường, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng con. anh T không có ý kiến gì về việc này. HĐXX không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thanh V tự trình bày đến nay chị và anh Hoàng Ngọc T không có tài sản chung, không vay nợ chung với cá nhân tổ chức nào, chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Hoàng Ngọc T không có ý kiến về việc này. Vì vậy HĐXX không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh V phải nộp án phí sơ thẩm.

[4] Đối với bị đơn Hoàng Ngọc T: Quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã gửi đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh T đến gia đình nơi anh T đang cư trú, đã tiến hành việc niêm yết các văn bản tố tụng của vụ án tại địa phương nơi anh Hoàng Ngọc T cư trú đúng quy định của pháp luật để anh T tham gia tố tụng trong vụ án, nhưng anh Hoàng Ngọc T không tham gia, không có ý kiến gì gửi đến Tòa án nên phải chịu trách nhiệm về việc không có quan điểm của mình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 9, 14, 15 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Thanh V.

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Thanh V và anh Hoàng Ngọc T.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh V phải chịu 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền án phí sơ thẩm này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị Nguyễn Thị Thanh V đã nộp *(theo biên lai thu tiền số 0002975 ngày 28 tháng 5 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H)*. Chị V đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn Nguyễn Thị Thanh V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn Hoàng Ngọc T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND TP H;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- THA dân sự TP H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Mỹ Hạnh